

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/NQ-HĐND4

Dầu Tiếng, ngày 19 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020,
Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Dầu Tiếng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Dương;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Dầu Tiếng; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Dầu Tiếng (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Dầu Tiếng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trường hợp sau khi tỉnh Bình Dương phân khai các chỉ tiêu sử dụng đất có sự chênh lệch với các chỉ tiêu sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện đã trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng khóa IV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Nguyễn Phương Linh

Phụ lục**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 5 NĂM (2016-2020) HUYỆN DẦU TIẾNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng)

I. Quan điểm

1. Sử dụng đất mang lại hiệu quả cao, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ và từng bước cải thiện môi trường bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Phối hợp, liên kết các huyện trong tỉnh nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế của tỉnh Bình Dương và thúc đẩy vai trò trung tâm công nghiệp của tỉnh Bình Dương trong phát triển toàn Vùng.

3. Bố trí sử dụng đất cho phát triển lâu dài; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học- công nghệ và giá trị gia tăng cao.

4. Ưu tiên bố trí đủ quỹ đất cho xây dựng kết cấu hạ tầng để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân theo hướng văn minh hiện đại.

II. Mục tiêu

1. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là công cụ hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về đất đai phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, tỉnh.

2. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh quốc phòng.

3. Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất phải có tính khả thi cao, phù hợp với tiến trình đô thị hóa và đi đôi với chiến lược phát triển thị trường bất động sản.

4. Sử dụng đất phải phù hợp với định hướng sử dụng đất cả tỉnh.

III. Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020**1. Nhóm đất nông nghiệp.**

Theo dự báo tổng diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 còn lại 61.092,49ha, giảm 1.644,61ha so với năm 2015. Cụ thể như sau:

a. Đất trồng lúa: Ổn định và cố gắng bảo vệ diện tích đất lúa trong vùng quy hoạch đã được xác định trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là 330,50ha, trong đó có 187ha đất chuyên trồng lúa nước tập trung ở 3 xã ven sông Sài Gòn là Thanh An (103,79), Thanh Tuyền (186,52ha) và thị trấn Dầu Tiếng (40,19ha).

b. Đất trồng cây hàng năm: Trong giai đoạn 2016 đến 2020 đất trồng cây hàng năm giảm khoảng 198,03ha chủ yếu tại xã Định Thành để thực hiện chủ trương của Tỉnh đó là giao cho Công ty TNHH Xuân Cầu triển khai dự án trồng mới, khoanh nuôi bảo vệ rừng kết hợp du lịch phát triển đàn thú bán hoang dã tại khu vực bán đảo Tha La với diện tích 242ha.

c. Đất trồng cây lâu năm: hiện chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu sử dụng đất huyện Dầu Tiếng (chiếm 76,7% diện tích tự nhiên và 90,5% diện tích đất nông nghiệp). Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2020, đất trồng cây lâu năm tiếp tục sẽ là loại đất chủ đạo để chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác, đặc biệt là chuyển sang để đáp ứng nhu cầu xây dựng các công trình phi nông nghiệp. Sau khi cân đối đủ nhu cầu chuyển đổi các công trình phi nông nghiệp, dự kiến đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện Dầu Tiếng đến năm 2020 còn 55.312,78ha, giảm 2.280,08ha so với năm 2015.

d. Đất lâm nghiệp: Theo kết quả thống kê kiểm kê đất đai, kết quả kiểm kê rừng được UBND tỉnh phê duyệt (QĐ 2878/QĐ-UBND ngày 27/10/2016) hiện trạng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Dầu Tiếng 3.861,98ha, trong đó: diện tích đất có rừng 3.520,4ha, diện tích đất trống và các loại đất khác như đất giao thông, kênh rạch suối trong rừng là 132ha. Trong giai đoạn 2016-2020 đất lâm nghiệp tăng khoảng 198ha, cụ thể như sau:

- Đất rừng phòng hộ ổn định diện tích 3.652,4ha tại hai xã Định Thành và Minh Hòa.

- Đất rừng sản xuất đến năm 2020 có diện tích là 407,58ha, tăng 198ha tại bán đảo Tha La xã Định Thành do công ty Xuân Cầu thực hiện trồng mới, khoanh nuôi bảo vệ kết hợp du lịch và phát triển đàn thú bán hoang dã.

Như vậy, đến năm 2020 diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Dầu Tiếng là 4.059,98ha, tăng 198ha so với năm 2015.

e. Đất nuôi trồng thủy sản: Phát triển thủy sản hải sản tập trung trên địa bàn huyện Dầu Tiếng không hoàn toàn không có lợi thế mà chỉ tận dụng mặt nước phân tán quanh các sông suối để nuôi trồng. Do đó, trong kỳ quy hoạch cơ bản ổn định diện tích 44,08ha như hiện trạng.

f. Đất phát triển chăn nuôi tập trung: Theo quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi, trên địa bàn huyện Dầu Tiếng từ nay đến 2020 sẽ bố trí khoảng 635,5ha đất cho phát triển chăn nuôi tập trung trên địa bàn 7 xã đó là: Minh Hòa (120), Minh Thạnh (150ha), Long Hòa (80), Long Tân (150), An Lập (15ha), Định Hiệp (90ha), Định An (28ha). Như vậy, đến năm 2020 đất nông nghiệp khác để phục vụ cho phát triển chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện Dầu Tiếng là 762,77ha.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp.

Tổng nhu cầu đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 11.017,05ha, tăng 1.692,54ha so với năm 2015. Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

a. Đất quốc phòng

Đất quốc phòng là chỉ tiêu cứng do cấp quốc gia quản lý và phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, theo đó quy hoạch sử dụng đất huyện Dầu Tiếng đến năm 2020 có khoảng 128,86ha đất quốc phòng, tăng 64,48ha so với năm 2015. Diện tích biến động do thực hiện các công trình sau:

- Chuyển sân bay Dầu Tiếng cũ tại thị trấn Dầu Tiếng sang thực hiện trung tâm thương mại, tài chính dân cư và siêu thị;
- Xây mới sân bay Dầu Tiếng tại xã Định An;
- Thê trận phòng thủ tại TT. Dầu Tiếng;
- Ban CHQS xã Long Tân, Minh Thạnh;
- Bố trí một phần quỹ đất dự trữ quốc phòng để sử dụng khi cần thiết.

b. Đất an ninh

Đất an ninh cũng là chỉ tiêu cứng do cấp quốc gia quản lý và phân bổ trong kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh phân bổ xuống cho huyện Dầu Tiếng diện tích đến năm 2020 là 18,86ha, tăng 15,67ha so với năm 2015, diện tích tăng thêm để thực hiện các công trình sau:

- Xây dựng trụ sở công an PCCC Dầu Tiếng 3,06ha;
- Xây dựng trại tạm giam huyện Dầu Tiếng 4,48ha;
- Xây dựng 03 đội PCCC tại 3 xã quy hoạch phát triển thành thị trấn là Bến Súc, Long Hòa, Minh Hòa 0,6ha (mỗi đội 0,2ha);
- Xây dựng công an các xã An Lập, Định An, Long Hòa, Long hòa (tách mới), Định Hiệp, Minh Tân, Thanh An với tổng diện tích 1,86ha;
- Bố trí quỹ đất dự trữ an ninh 5,55ha.

c. Đất khu công nghiệp

Theo quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 (CV173-TTg), kết hợp với chỉ tiêu phân khai từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh xuống địa bàn huyện Dầu Tiếng đến năm 2020 là 108ha trên địa bàn xã Long Tân để thực hiện công trình khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng 1.000ha.

d. Đất cụm công nghiệp

- Hiện trạng trên địa bàn huyện chỉ có cụm công nghiệp Thanh An 49,66ha, trong giai đoạn 2016-2020 dự kiến sẽ thực hiện thêm cụm công nghiệp An Lập (75ha). Như vậy, đến năm 2020 diện tích đất cụm công nghiệp của huyện Dầu Tiếng là 124,66ha.

e. Đất sản xuất kinh doanh, thương mại – dịch vụ

Đất sản xuất kinh doanh là chỉ tiêu do cấp huyện quy hoạch. Theo tính toán tổng hợp từng dự án, đến năm 2020 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng có khoảng 475,75ha, tăng 248,07ha so với năm 2015 để thực hiện các công trình sau:

*** Mạng lưới trung tâm thương mại - siêu thị và tín dụng**

+ Trung tâm thương mại – Tài chính – khu dân cư siêu thị tại thị trấn Dầu Tiếng (trên nền sân bay Dầu Tiếng cũ);

+ Trung tâm thương mại Minh Hòa (dự kiến thực hiện trên đất của trường TH Minh Hòa);

+ Khu thương mại dịch vụ Thanh An (thực hiện tại cua Sao Bọng);

+ Siêu thị mini tại xã Long Tân (thực hiện tại khu đất công kê bia B52);

+ Quy hoạch các quỹ tín dụng tại các xã Định Hiệp, Minh Thạnh.

*** Mạng lưới xăng dầu:**

Theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu tỉnh Bình Dương đến năm 2020 có điều chỉnh thì trên địa bàn huyện Dầu Tiếng sẽ bố trí thêm khoảng 14 cây xăng cấp II, với quy mô khoảng 0,2 - 0,3ha/cây xăng (Danh mục công trình thể hiện cụ thể ở biểu 11 phần phụ lục)

*** Công ty xí nghiệp và quỹ đất sản xuất kinh doanh không tập trung:**

Ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh trên, diện tích bố trí quỹ đất cho các công ty xí nghiệp trên địa bàn huyện Dầu Tiếng từ nay đến năm 2020 là khá lớn nhằm thu hút các doanh nghiệp về địa bàn đầu tư. Cụ thể:

+ Các doanh nghiệp đã có chủ trương chuẩn bị đầu tư, mở rộng:

- Công ty Dương Gia Truyền ở Thanh Tuyên;

- Công ty Hồng Phi và cơ sở cưa xẻ gỗ tại thị trấn Dầu Tiếng;

- Nhà máy cơ khí và Công ty Hưng Thịnh Gia (An Lập);

- Cơ sở SXKD Nguyễn Bảo Quốc Huy (Thanh An);

- Cơ sở sản xuất phân bón (Định Hiệp);

- Cơ sở sản xuất gạch không nung (Long Hòa);

- Công ty cổ phần gỗ Dầu Tiếng (Định Hiệp);
- Công ty thực phẩm 3F Việt (An Lập);
- Công ty Kim Ngọc Phát (Thanh Tuyên);

+ **Đối với quỹ đất sản xuất kinh doanh không tập trung:** Tiếp tục bố trí các khu sản xuất kinh doanh không tập trung (196,5ha) trên địa bàn các xã nhằm tạo quỹ đất để mời gọi các nhà đầu tư trong giai đoạn tới.

f. Đất cho hoạt động khoáng sản

Theo kết quả thăm dò, khai khoáng của tỉnh Bình Dương thì nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện Dầu Tiếng khá nghèo. Theo quy hoạch và chỉ tiêu phân bổ đất khoáng sản của cấp tỉnh, trên địa bàn huyện Dầu Tiếng dự kiến thực hiện 100ha Kaolin tại xã An Lập.

g. Đất sản xuất vật liệu gốm sứ: dự kiến trong kỳ quy hoạch tiến hành bố trí 10 khu khai thác đất sét và sỏi đỏ, cụ thể như sau:

- Bố trí khu sản xuất đất sét Định Hiệp tại ấp Hiệp Lộc 50ha;
- Sỏi đỏ Định Hiệp: Tại ấp Dáng Hương 11ha, ấp Đồng Trai 4ha;
- Sỏi đỏ Thanh An: Tại ấp Bàu Cây Cắm 10ha;
- Sỏi đỏ Thanh Tuyên: Tại Lê Danh Cát 20ha;
- Sỏi đỏ Long Hòa: Tại ấp Tiên Phong 25ha;
- Sỏi đỏ Long Tân: Tại ấp Hồ Đá, Hốc Măng 50ha;
- Sỏi đỏ An Lập: Tại ấp Đất Đỏ 20ha;
- Sỏi đỏ Minh Hòa: Tại ấp Hòa Lộc 30ha;
- Sỏi đỏ Định An: Tại ấp Đồng Sến 50ha;
- Sỏi đỏ Định Thành: Tại ấp Núi Đất 30ha.

Như vậy, tổng nhu cầu đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ trên địa bàn Dầu Tiếng đến năm 2020 là 328,93ha, tăng 300ha so với năm 2015

h. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp

- Hiện trạng trụ sở các cơ quan, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã đã tương đối đầy đủ. Trong giai đoạn 2016-2020 nhu cầu để phục vụ xây dựng trụ sở cơ quan chủ yếu tập trung vào các Trung tâm hành chính của các xã dự kiến tách mới để thành lập thị trấn là Minh Hòa (25ha), Long Hòa (10ha), Bến Súc (10ha) và xã Thanh Tuyên Tách mới (10ha). Ngoài ra, trong kỳ kế hoạch cũng bố trí thêm một phần đất để xây dựng đội thuế và cải tạo, mở rộng trụ sở tại các xã, thị trấn.

Như vậy, tổng nhu cầu đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp đến năm 2020 là 78,18ha, tăng 60,27ha so với năm 2015.

i. Đất có di tích lịch sử văn hóa

Là chỉ tiêu do cấp tỉnh quản lý và quy hoạch trong kỳ sử dụng đất cấp tỉnh phân khai cho quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Dự kiến từ nay đến năm 2020 tiến hành nâng cấp mở rộng và công nhận một số công trình sau thành khu di tích:

- Khu di tích chiến khu Long Nguyên tại xã Long Tân 10ha;
- Khu di tích Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh hiện trạng 5,85ha, quy hoạch mở rộng lên 68ha tại xã Minh Tân;
- Đề nghị công nhận đền bia tưởng niệm và đền Thanh Niên xung phong tại xã Thanh An thành di tích lịch sử cấp Tỉnh.

Như vậy, đến năm 2020 tổng diện tích đất di tích danh thắng trên địa bàn huyện Dầu Tiếng là 198,57ha, tăng 72,15ha so với năm 2015.

k. Đất xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng sẽ không phát triển các bãi rác tập trung quy mô lớn trực thuộc cấp tỉnh, cấp quốc gia mà chỉ tiến hành bố trí các trạm trung chuyển rác quy mô nhỏ, sau đó vận chuyển đến bãi rác tập trung tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại Bến Cát. Dự kiến trong giai đoạn 2015-2020 tập trung bố trí các trạm trung chuyển như sau:

- Trạm trung chuyển rác Minh Hòa diện tích 2ha.
- Trạm trung chuyển rác lô 7C tại xã Minh Tân diện tích 2,7ha.
- Trạm trung chuyển rác Minh Thạnh diện tích 9,88ha.
- Điều chỉnh đối với khu hầm đất của Công ty cao su Dầu Tiếng 4,69ha từ quy hoạch bãi rác tập trung thành đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp khác do theo quy hoạch cấp tỉnh trên địa bàn xã Định An không bố trí trạm trung chuyển rác và theo chính quyền địa phương khu đất này cũng không thể sản xuất nông nghiệp được.

Như vậy, đến năm 2020 diện tích đất xử lý rác thải trên địa bàn huyện Dầu Tiếng là 18,59ha, tăng 9,89ha so với năm 2015.

l. Đất nghĩa trang, nghĩa địa

Theo Quy hoạch tổng thể địa điểm các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 3668/QĐ-UBND) trên địa bàn huyện Dầu Tiếng sẽ thực hiện 3 công trình nghĩa trang tập trung cấp II để phục vụ cho việc chôn cất tập trung và di dời các nghĩa địa nhỏ lẻ vào chôn cất, cụ thể như sau:

- Tại xã Minh Hòa: phát triển một nghĩa trang cấp II diện tích 50ha tại xã Minh Hòa nhằm phục vụ cho các xã Minh Hòa, Minh Tân, Minh Thạnh.
- Tại xã Định An: dự kiến mở rộng nghĩa trang lô 33 thành nghĩa trang cấp II diện tích 50ha nhằm phục vụ các xã Định An, Định Hiệp, Định Thành và thị trấn Dầu Tiếng.

- Tại xã An Lập: Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã An Lập thành nghĩa trang cấp III đạt diện tích khoảng 10ha, nhằm phục vụ các xã An Lập, Long Hòa, Long Tân, Thanh An, Thanh Tuyên.

- Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2015-2020, các nghĩa trang nhỏ lẻ hiện hữu sau khi sử dụng hết công suất sẽ đóng cửa và di dời vào các nghĩa trang tập trung.

Như vậy, đến năm 2020 diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện Dầu Tiếng là 171,65ha, tăng 100,46ha so với năm 2015.

m. Đất sinh hoạt cộng đồng

Đất sinh hoạt cộng đồng quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng là 17,24ha, tăng 7,09ha để phục vụ xây dựng mới, mở rộng các nhà văn hóa ấp và khu phố, cụ thể như sau:

n. Đất khu vui chơi giải trí công cộng

Đất khu vui chơi giải trí công cộng quy hoạch đến năm 2020 dự kiến khoảng 13,14ha, tăng 8,78ha để thực hiện các công trình:

- Công viên cây xanh Minh Hòa;
- Công viên cây xanh Minh Thạnh;
- Khu vui chơi ấp Rạch Đá xã Định Thành.

p. Đất phát triển hạ tầng

Đất phát triển hạ tầng gồm 11 loại đất khác nhau: đất giao thông, đất thủy lợi, đất công trình năng lượng, đất bưu chính viễn thông, đất văn hóa, đất y tế, đất giáo dục, đất thể dục thể thao, đất nghiên cứu khoa học, đất dịch vụ xã hội và đất chợ. Nhu cầu sử dụng đất hạ tầng đến năm 2020 trên địa bàn huyện khoảng 2.842,71ha, tăng 296,77ha so với hiện trạng năm 2015, cụ thể từng loại đất như sau:

(1). Đất giao thông

*** Mạng lưới giao thông do cấp quốc gia, cấp tỉnh quản lý:**

- ĐT 749: có 2 tuyến là ĐT 749A và ĐT 749B.
- ĐT 745A: là tuyến đường tỉnh mới, trên địa bàn huyện Dầu Tiếng sẽ chạy qua 2 xã An Lập và Thanh Tuyên, tuyến được quy hoạch thành đường cấp II với quy mô 6 làn xe chạy, lộ giới bảo vệ đường 60m.
- ĐT 745C: đây cũng là tuyến dự kiến mở mới trong giai đoạn trước năm 2020, kết cấu đường cấp II, quy mô 6 làn xe, lộ giới 60 m, chạy qua 2 xã An Lập và Long Tân.
- ĐT 749C: được nâng cấp từ tuyến ĐH 704 bắt đầu từ ngã tư xã Minh Hòa đến giáp ranh với tỉnh Bình Phước. Kết cấu đường cấp IV với 2 làn xe, lộ giới 42m.
- Tuyến Bó Lá Bền Súc: là tuyến đường tỉnh mới trên cơ sở nâng tuyến ĐH 706 qua, với chiều dài 12,81km, lộ giới 42m.

*** Mạng lưới giao thông do cấp huyện quy hoạch:**

- Hiện tại trên địa bàn huyện Dầu Tiếng có 23 tuyến đường huyện với chiều dài 152,64km. Dự kiến trong giai đoạn 2016-2020 tiến hành nâng cấp một số tuyến đường huyện trên địa bàn thành đường cấp IV, cấp V đồng bằng.

- Từ nay đến năm 2020 tiến hành quy hoạch thêm các tuyến sau:

+ ĐH 704 đoạn 2: là tuyến quy hoạch mới, nằm trên địa bàn ấp An Thới của xã Định An, với chiều dài khoảng 4,5km, mặt đường 13m, lộ giới 32m.

+ ĐH 721: Nằm trên địa phận xã Long Hòa, quy hoạch nâng cấp mở rộng đạt chuẩn đường cấp V đồng bằng, kết cấu mặt đường 13m, lộ giới 32m đạt chuẩn đường cấp V đồng bằng.

+ ĐH 722: Nằm trên địa phận xã Minh Thạnh, Minh Tân quy hoạch nâng cấp mở rộng đạt chuẩn đường cấp V đồng bằng, kết cấu mặt đường 13m, lộ giới 32m đạt chuẩn đường cấp V đồng bằng.

+ ĐH 723: cơ bản nâng cấp từ đường hiện trạng sẵn có từ điểm đầu ĐH 708 (ấp Bầu Cây Cám -Thanh An) đến ĐT 748 (ấp Đất Đỏ - An Lập) kết cấu mặt đường 13m, lộ giới 32m đạt chuẩn đường cấp V đồng bằng.

+ ĐH 724: là tuyến nối liền các xã Long Hòa, Minh Hòa, Minh Tân với chiều dài 16,29km, mặt đường 13m, lộ giới 32m đạt chuẩn đường cấp V đồng bằng.

+ Nâng cấp các tuyến đô thị Long Hòa, Minh Hòa, Bến Súc và mở rộng một số tuyến đường giao thông nông thôn, các tuyến đường nội bộ trong các khu dân.

***Bến bãi:**

+ Bến xe Dầu Tiếng: dự kiến sau năm 2020 sẽ di chuyển bến xe tại thị trấn Dầu Tiếng ra khu vực đường vành đai với quy mô diện tích 2ha. Giai đoạn từ nay đến 2020 vẫn sử dụng bến xe hiện tại.

+ Quy hoạch Bến xe khách Long Hòa 0,5ha tại khu đất công giáp ĐT750;

+ Quy hoạch Bãi đậu xe Bến Súc 0,5ha, xây dựng trên tuyến tránh đô thị Bến Súc.

+ Bến xe Minh Hòa diện tích 0,5ha, dự kiến quy hoạch kế công trình Trung tâm thương mại Minh Hòa.

+ Bãi đậu xe tại xã Minh Thạnh diện tích 0,7ha.

Bên cạnh đó trong kỳ quy hoạch tiến hành xây dựng 2 cảng mới là:

+ Cảng Bến Súc gần cầu Bến Súc với công suất thiết kế 1 triệu tấn/năm diện tích chiếm đất 30ha tại vị trí gần cầu Bến Súc;

+ Cảng Thanh An gần cầu vượt sông Sài Gòn của đường Hồ Chí Minh với công suất 500 nghìn tấn/năm diện tích chiếm đất 10ha.

Như vậy, quỹ đất phục vụ cho phát triển giao thông đến năm 2020 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng dự kiến tăng 246,3ha so với năm 2015.

(2). Đất thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Dầu Tiếng cho đến nay cơ bản đã ổn định, trong giai đoạn 2016-2020 chủ yếu tập trung xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch và đầu tư thêm 03 trạm xử lý nước thải:

- Trạm xử lý nước thải Minh Thạnh 0,87ha tại ấp Lò Gạch;
- Hai trạm xử lý nước thải thị trấn Dầu Tiếng, mỗi trạm 0,5ha.

Như vậy đến năm 2020 quỹ đất để đầu tư cho các công trình thủy lợi tăng thêm 1,87ha so với năm 2015.

(3). Đất truyền dẫn năng lượng

Dự kiến trong kỳ quy hoạch tiến hành bố trí một số công trình sau:

- Tuyến điện lưới quốc gia 500KV Đức Hòa – Chơn Thành, chạy qua các xã Long Tân, An Lập, Thanh Tuyên và Thanh An hướng tuyến dự kiến chạy cặp theo tuyến đường Hồ Chí Minh;
- Xây mới trạm thủy điện Minh Tân tại khu vực kênh thủy lợi Phước Hòa xã Minh Tân.

Như vậy, từ nay đến năm 2020 diện tích đất phát triển năng lượng tăng thêm khoảng 3,18ha so với năm 2015.

(4). Đất bưu chính viễn thông

Hệ thống bưu chính viễn thông của huyện Dầu tiếng đến nay cơ bản đã phủ khắp toàn huyện, trong kỳ quy hoạch cơ bản ổn định. Dự kiến từ 2016-2020 chỉ thực hiện di dời bưu điện cục Định An ra bên ngoài khuôn viên của Ủy ban nhân dân xã Định An.

Ngoài ra trong kỳ quy hoạch cũng chuyển đổi công năng của Bưu điện văn hóa An Lập 2 bàn giao đất để mở rộng Nhà văn hóa ấp Hồ Cạn.

(5). Đất văn hóa

Đất cơ sở văn hóa trên địa bàn Dầu Tiếng cơ bản đã ổn định, hệ thống nhà văn hóa của cấp huyện và các xã, thị trấn là một trong số các chỉ tiêu để được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Chính vì vậy, trong giai đoạn 2011-2015 các công trình văn hóa đã được đầu tư cơ bản tốt. Hiện nay, trên địa bàn huyện chỉ duy nhất còn xã An Lập chưa đáp ứng được chỉ tiêu nhà văn hóa xã. Do đó, trong giai đoạn sắp tới sẽ phân đấu thực hiện công trình nhà văn hóa xã An Lập với quy mô khoảng 2ha tại ấp Bàu Khai.

(6). Đất y tế

Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn huyện Dầu Tiếng các công trình y tế chủ yếu được đầu tư nâng cấp sửa chữa trên khuôn viên đất hiện trạng đã có sẵn.

- Đối với các công trình tuyến huyện cơ bản ổn định chỉ thực hiện mở rộng Phòng y tế huyện Dầu Tiếng thêm 0,8ha.

- Đối với các công trình y tế tuyến xã, trong kỳ quy hoạch sẽ thực hiện các công trình sau:

+ Mở rộng trạm y tế Minh Tân từ quỹ đất Trung tâm văn hóa xã từ 0,25ha lên 0,5ha;

+ Mở rộng trạm y tế Minh Thạnh từ diện tích 0,25ha lên diện tích 0,5ha.

Ngoài ra trong kỳ quy hoạch cũng chuyển đổi một số trạm y tế của các nông trường cao su không còn hoạt động thành các công trình hạ tầng như:

- Trạm y tế nông trường cao su Minh Thạnh (0,03ha) tại xã Minh Hòa dự kiến giao về cho địa phương quản lý, sử dụng;

- Trạm y tế nông trường Trần Văn Lưu (0,1ha) dự kiến bàn giao lại để xây dựng trường mầm non Định An.

(7). Đất giáo dục – đào tạo

Tổng diện tích đất dự kiến từ nay đến năm 2020 để phát triển các công trình giáo dục trên địa bàn huyện Dầu Tiếng tăng khoảng 26,59ha, để tiến hành bố trí xây mới, mở rộng các công trình sau:

* Bậc nghề: Trong kỳ kế hoạch dự kiến sẽ thực hiện xây dựng một trường đào tạo nguồn nhân lực 2,3ha tại thị trấn Dầu tiếng.

* Bậc trung học phổ thông: Dự kiến xây mới trường THPT Thanh Tuyền tại lô 2B của công ty cao su Dầu Tiếng bàn giao đất cho địa phương.

* Bậc trung học cơ sở:

- Trường THCS An Lập 2ha thực hiện trên diện tích 4ha công ty cao su Dầu Tiếng bàn giao để thực hiện các công trình giáo dục;

- Trường THCS Long Tân 4,3ha thực hiện tại lô 15 của công ty cao su Dầu tiếng bàn giao cho địa phương;

- Trường THCS Minh Hòa (mới) 2,2ha thực hiện trên khu đất 4,2ha của công ty cao su Dầu Tiếng;

- Khu vui chơi của trường THCS Nguyễn Bình Khiêm 2,28ha;

- Chuyển khu đất 0,43ha trường THCS Định Thành để quy hoạch khu vui chơi áp Rạch Đá.

* **Bậc tiểu học:**

- Trường Tiểu học Minh Hòa (mới) 2ha thực hiện trên khu đất 4,2ha của công ty cao su Dầu Tiếng;

- Mở rộng trường Tiểu học Hòa Lộc từ 0,58ha lên 0,6ha;

- Trường tiểu học An Lập (mới) 2ha thực hiện trên khu đất 4ha của công ty cao su Dầu Tiếng;

- Chuyển trường tiểu học Minh Thạnh (0,2ha) phân hiệu ấp Cây Liễu thành Ban CHQS xã;

- Chuyển trường tiểu học Minh Hòa thành Trung tâm thương mại 1,08ha;

- Chuyển trường tiểu học An Lập sau khi di dời thành Trung tâm văn hóa xã;

- Chuyển trường tiểu học phân hiệu Định Phước (xã Định An) thành sân bóng;

- Chuyển trường tiểu học phân hiệu Bầu Dầu thành đất nhà văn hóa ấp Bầu Dầu.

* **Bậc mầm non:**

- Mẫu giáo Định Hiệp 0,7ha tại khu đất công ấp Định Phước;

- Trường mẫu giáo Bình Mỹ 1ha tại lô 70B nông trường Trần Văn Lưu xã Định An;

- Mở rộng trường mẫu giáo Minh Tân từ 0,26ha lên 0,3ha, mở rộng từ trung tâm văn hóa thể thao xã;

- Mầm non Minh Thạnh 1,13ha, quy hoạch từ sân bóng ấp Đồng Chùa;

- Mẫu giáo Bền Súc 0,7ha;

- Chuyển mẫu giáo An Lập 0,37ha thành Công an xã sau khi di dời;

- Chuyển một nhà trẻ đội 1, đội 4 của nông trường Trần Văn Lưu về cho xã Định An làm nhà văn hóa ấp.

(8). Đất thể thao

Trong giai đoạn 2016-2020 đất thể thao tăng 1,77ha so với hiện trạng năm 2015 để thực hiện công trình:

- Sân bóng đá xã Định Thành 1ha;

- Sân bóng đá ấp Định Phước xã Định An 0,77ha.

(9). Đất chợ

Dự kiến giai đoạn 2015-2020 đất chợ sẽ tăng 13,4ha so với hiện trạng năm 2015 để thực hiện các công trình chợ như sau:

- Chợ đầu mối thị trấn Dầu Tiếng 4,17ha, quy hoạch tại khu vực nhà máy chế biến trung tâm công ty;

- Chợ Định An 3ha quy hoạch tại lô 51D công ty cao su Dầu Tiếng;
- Khu phố chợ Long Tân 1,23ha;
- Chợ Minh Thạnh 2ha;
- Mở rộng chợ An Lập 3ha.

q. Nhu cầu đất ở

*** Nhu cầu đất khu đô thị**

Hiện nay huyện Dầu Tiếng chỉ có thị trấn Dầu Tiếng thuộc đô thị loại V, theo Quyết định của UBND tỉnh Bình Dương (QĐ số 3123) về việc phê duyệt các đơn vị hành chính đến năm 2020, huyện Dầu Tiếng sẽ thành lập thêm 03 thị trấn mới là thị trấn Bến súc được tách từ xã Thanh Tuyền diện tích 1.100ha, thị trấn Long Hòa diện tích 1.302ha được tách từ xã Long Hòa, thị trấn Minh Hòa diện tích 1.500ha được tách từ xã Minh Hòa và Minh Thạnh, nâng tổng số thị trấn trên địa bàn huyện lên 4 thị trấn với tổng diện tích đất đô thị là 6.534,54ha.

*** Nhu cầu đất ở tại các khu dân cư nông thôn**

- Quan điểm phát triển dân cư trong giai đoạn 2016-2020 là tập trung bố trí các cụm, các điểm dân cư tập trung, nhằm từng bước đầu tư hạ tầng trong khu dân cư nông thôn từ đó thu hẹp dần khoảng cách về mức sống giữa nông thôn và thành thị, tiến tới hiện đại hóa khu vực nông thôn. Dân cư nông thôn trên địa bàn Dầu tiếng sẽ bố trí theo các cụm dân cư và các khu tái định cư với quy mô khoảng 20 ha. Dân số được bố trí với mật độ khoảng 2.000-3.000 người/cụm. Các khu, cụm dân cư trên địa huyện sẽ là các vệ tinh cho các trung tâm xã, thị trấn.

- Tổng diện tích đất ở tại các khu dân cư nông thôn đến năm 2020 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng khoảng 641,83ha, tăng 121,25ha so với năm 2015.

*** Nhu cầu thực hiện các Khu dân cư, tái định cư tập trung**

Dự kiến trong giai đoạn 2016-2020 sẽ thực hiện một số dự án Khu dân cư, Tái định cư tập trung sau:

- Khu Tái định cư Định Thành 3ha, phục vụ tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa tại bán đảo Tha La;
- Khu dân cư tập trung Định An 2,7ha, quy hoạch tại vườn ươm của nông trường Trần Văn Lưu;
- Khu dân cư thương mại Minh Tân 2,21ha, quy hoạch tại khu chợ cũ Minh Tân;
- Khu dân cư TM-DV phía Đông thị trấn Dầu Tiếng 24,85ha, quy hoạch tại lô H nông trường Đoàn Văn Tiến;

- Khu dân cư TM-DV phía Bắc thị trấn Dầu Tiếng 63,69ha, quy hoạch tại lô D1,D2,D3 nông trường Đoàn Văn Tiến;

- Khu dân cư ấp Tiên Phong tại xã Long Hòa 0,1ha.

3. Đất chưa sử dụng

Các công trình dự án, các khu dân cư đã quy hoạch nhưng đến nay chưa xây dựng (thống kê vào đất bằng chưa sử dụng); trong giai đoạn sử dụng đất 2016 – 2020 sẽ tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng đưa vào thực hiện. *(Chi tiết cụ thể tại Bảng I kèm theo)*

IV. Kế hoạch sử dụng đất năm 2016

Trên cơ sở phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch được xây dựng như sau: *(Chi tiết cụ thể tại Bảng II kèm theo)*

V. Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh đạt kết quả và có tính khả thi cao, cần tổ chức thực hiện những giải pháp sau:

1. Giải pháp về chính sách

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, cơ chế huy động vốn để các tổ chức phát triển quỹ đất huyện- xã hoạt động có hiệu quả, đảm bảo quỹ đất sạch phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Các dải đất ven đường vành đai và các khu đất ở vị trí thuận lợi về thu hút đầu tư sẽ được giải toả tạo quỹ đất sạch về đầu giá, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách huyện.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quy định công khai các dự án đầu tư trong quá trình giao dự án và triển khai thực hiện dự án để các cơ quan, tổ chức và nhân dân kiểm tra giám sát.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo môi trường thông thoáng hơn về thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực vào thực hiện các dự án, nhất là những dự án mang tính đột phá cho các ngành động lực và vùng trọng điểm.

- Điều chỉnh các quy định có liên quan đến giải phóng mặt bằng phù hợp với tình hình mới nhằm thúc đẩy tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

- Điều chỉnh các khoản thu liên quan đến đất đai chưa phù hợp (nếu có) về tiền sử dụng đất, thuê đất. Hoàn thiện cơ chế chính sách cho từng loại dự án và quy định điều kiện tham gia đầu tư.

- Có cơ chế tạo nguồn tài chính khả thi bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn. Đối với đất giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao thực hiện xã hội hoá tất cả các công trình không bắt buộc phải do nhà nước quản lý.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa về nguồn vốn và những ưu đãi cần thiết cho các hộ chuyên quyền sử dụng đất để làm các khu công nghiệp để các hộ này có thể làm các dịch vụ phục vụ công nhân trong các khu công nghiệp, nhất là về dịch vụ nhà trọ.

2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

2.1. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Bổ sung đủ nhân lực có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ tài nguyên- môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn như hiện nay.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai- môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

2.2. Giải pháp về đầu tư vốn

- Hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo môi trường thông thoáng hơn về thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực vào thực hiện các dự án. Có chính sách các khoản thu liên quan đến đất đai như tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Chính sách huy động nguồn vốn trong dân để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, an sinh xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quy định công khai các dự án trong quá trình giao dự án và triển khai thực hiện dự án để công đồng kiểm tra, giám sát.

3. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất đai và bảo vệ môi trường

3.1. Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho hệ thống tổ chức trong lĩnh vực môi trường.

- Bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện bao gồm: thể chế và hệ thống tổ chức bảo vệ môi trường.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung trên địa bàn huyện. Xây dựng chương trình quản lý môi trường, bao gồm các nội dung về hoàn thiện việc nâng cao năng lực quản lý bảo vệ môi trường, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững- tiêu thủ công nghiệp; quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn, đô thị và các khu dân cư tập trung, quản lý chất thải y tế độc hại, quản lý đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên; Quản lý môi trường các nguồn tài nguyên thiên nhiên như: nước, đất, không khí.

- Trước mắt cần chú trọng các hoạt động như: bảo vệ nguồn nước Sông Bé gắn với kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải, khai thác cát và bảo vệ bờ sông để hạn chế tối đa xói lở và lún sông, lấp rạch và ô nhiễm nguồn nước; thu hút đầu tư có chọn lọc và kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát ngày càng chặt chẽ hơn các yếu tố đầu vào trong sản xuất đáp ứng yêu cầu sạch, an toàn; đảm bảo tỷ lệ che phủ cây xanh, cây lâm nghiệp và cây lâu năm đạt 60% và bảo vệ tốt các diện tích rừng ở các khu vực xung yếu theo quy hoạch, hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng hóa chất gây ô nhiễm môi trường đất, nước; xây dựng cơ sở xử lý nước thải, chất thải trong các trang trại chăn nuôi tập trung; xúc tiến xây dựng các cơ sở xử lý chất thải, nước thải cho các khu đô thị, khu- cụm công nghiệp theo quy định; xây dựng các hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, kiểm soát khai thác nước ngầm để hạn chế tình trạng khai thác quá mức.

3.2 Tăng cường hoạt động giám sát môi trường

- Hoàn thiện mạng lưới quan trắc đáp ứng nhu cầu giám sát chặt chẽ môi trường. Bổ sung lực lượng đáp ứng yêu cầu số lượng và chất lượng, cơ cấu về chuyên môn. Tăng cường ứng dụng các công nghệ và thiết bị đáp ứng nhu cầu quan trắc, phân tích, đánh giá các yếu tố môi trường. Khẩn trương ứng dụng công nghệ và thiết bị tin học để nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát và phổ biến các quy định về môi trường đến đối tượng giám sát và quản lý.

- Giám sát kỹ phần đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư và trong các quay hoạch phát triển các ngành, nhất là các ngành có nguy cơ ô nhiễm, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục.

- Giám sát kỹ quá trình triển khai các dự án khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng để đảm bảo khai thác có hiệu quả nhưng phải hạn chế tác động xấu đến môi trường, về phục hồi môi trường và hoàn nguyên sau khai thác.

- Có mức phạt đủ sức răn đe các cơ sở có ý vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

- Để công tác giám sát hoạt động có nề nếp, hiệu quả cần xây dựng chương trình giám sát môi trường bao gồm: quan trắc chất thải môi trường và giám sát các nguồn thải; giám sát quản lý sử dụng nước ngầm giám sát hệ sinh thái và đa dạng sinh học...

4. Giải pháp tổ chức thực hiện

4.1. Công bố quy hoạch và điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy hoạch, KHSDD

- Khi quy hoạch được phê duyệt, sẽ tổ chức hội nghị công bố quy hoạch và đưa quy hoạch lên mạng thông tin của ngành giúp các ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan nắm vững để thực hiện. Khẩn trương hoàn thành quy hoạch các xã, thị trấn, tạo sự thống nhất trong xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất từ cấp tỉnh xuống cấp huyện đến cấp xã.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào lộ trình thành lập các đơn vị hành chính để xây dựng kịp thời hồ sơ địa chính và quy hoạch đất đai của các đơn vị được chia tách.

- Bám sát quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến cho quy hoạch các ngành có liên quan nhằm phát hiện và kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện sử dụng đất không theo quy hoạch. Mặt khác cũng cần nắm được các phát sinh khách quan về nhu cầu sử dụng đất để giúp bổ sung, điều chỉnh kịp thời trong các kỳ điều chỉnh bổ sung và xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm; cũng như phát hiện những bất hợp lý trong sử dụng đất của từng ngành để có những tác động kịp thời nhằm tránh và hạn chế tiêu cực trong quá trình sử dụng đất.

4.2. Tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Xây dựng giải pháp và lộ trình bổ nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý QH, KHSDD.

- Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ tài nguyên – môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn về nhân sự.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai – môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

4.3. Tăng cường giám sát môi trường trong quá trình triển khai quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo cho sử dụng đất bền vững

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ và thiết bị đáp ứng nhu cầu quan trắc, phân tích, đánh giá các yếu tố môi trường. Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát và phổ biến các quy định về môi trường đến đối tượng giám sát và quản lý.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục.

4.4. Tăng cường công tác tổ chức, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý đất đai

a. Giải pháp chung về tổ chức, quản lý

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật để người dân nắm vững luật đất đai, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường. Quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh dịch vụ. Cập nhật kịp thời những thay đổi về thị trường đất đai để có kế hoạch đền bù thỏa đáng, giúp sử dụng đất đúng theo kế hoạch.

- Tăng cường công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, đặc biệt là đo đạc, chỉnh lý biên động và cấp giấy chứng nhận, đồng thời có biện pháp xử lý các tồn tại, vướng mắc trong thực hiện kiểm kê đất đai, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Trong sắp xếp thứ tự dự án ưu tiên, phải tạo ra được những đột phá và động lực phát triển cho từng ngành và từng vùng. Trong đó, công trình hạ tầng phải được ưu tiên để tăng lực hút đầu tư, phát triển mạnh kinh tế, nhất là các tuyến đường vành đai, đường trục, bên cạnh phục vụ đặc lực vận tải các mặt hàng chiến lược ra ngoài vùng. Kết hợp tốt giữa đầu tư từ nguồn ngân sách với vốn của doanh nghiệp vào xây dựng

các khu công nghiệp, dân cư, các công trình trọng điểm về CSHT, với vốn xã hội hoá về xây dựng cơ sở vật chất như trường, bệnh viện, cơ sở văn hoá – thể thao. Riêng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và nội thị, cần phát huy mạnh mẽ phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

- Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Khi giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện các dự án của chủ đầu tư, để đảm bảo triển khai đúng tiến độ và khả thi. Chuyển dần các đơn vị sản xuất vào các khu công nghiệp, chỉ giữ lại các cơ sở không gây ô nhiễm. Không giải quyết giao đất hoặc cho thuê đất để sản xuất công nghiệp trong các khu dân cư. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý với hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Có biện pháp xử lý thỏa đáng các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Phát triển thị trường bất động sản, kiểm soát giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp, có biện pháp ngăn chặn, xử lý tình trạng đầu cơ đất trong các khu công nghiệp.

b. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất

- UBND huyện căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để triển khai quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn.

- Các ngành bám sát vào phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất cho ngành mình để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới cần xin chủ trương của UBND huyện điều chỉnh bổ sung theo luật định. Trong đó:

+ Ngành Thuế theo dõi và tổ chức thực hiện các khoản thu từ đất theo Luật Đất đai 2003.

+ Ngành Xây dựng triển khai các chương trình quy hoạch và phát triển các khu dân cư, nhà ở gắn liền với phát triển đô thị và các khu công nghiệp, các trung tâm dịch vụ, đào tạo...

+ Ngành Tài nguyên và Môi trường triển khai các chương trình quản lý đất đai theo QHSDĐ, giám sát diễn biến môi trường.

+ Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với các ngành có liên quan nghiên cứu các chương trình, chính sách xã hội, hỗ trợ tái định cư và giải quyết công ăn việc làm cho các hộ dân bị thu hồi đất.

5. Nhóm giải pháp khác

- Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện nhằm đảm bảo quốc phòng, an ninh và ổn định phát triển kinh tế xã hội; đời sống cho nhân dân trong quy hoạch.

- Triển khai thực hiện theo đúng các nội dung và các chỉ tiêu quy hoạch kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và kịp thời cập nhật thông tin để điều chỉnh theo đúng quy định.

- Các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm đến ranh giới và công khai diện tích đất lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cần phải bảo vệ nghiêm ngặt nhằm đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ và giữ được môi trường rừng bền vững.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất đô thị.

- Thực hiện tốt chính sách về nhà ở - đất ở (nông thôn và đô thị) phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế cầu từng địa phương trên đại bàn toàn huyện đồng thời quan tâm đến chính sách nhà ở cho hộ nghèo và người thu nhập thấp.

- Xây dựng phương án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu tái định cư tổ chức đào tạo nghề và tạo việc làm cho người dân bị thu hồi đất; thực hiện các dự án đầu tư một cách nhanh chóng nhằm ổn định đời sống nhân dân và góp phần đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội đến từng địa phương trong huyện.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân huyện có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với Hội đồng nhân dân huyện.

**Bảng I: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020
HUYỆN DẦU TIẾNG**

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2015	Quy hoạch đến năm 2020			Chênh lệch: cao (+), thấp (-)
				QHSD đất đã phê duyet (QĐ-956)	Điều chỉnh QHSDD huyện Dầu Tiếng	Chênh lệch: cao (+), thấp (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	
	Tổng diện tích tự nhiên		72.109,53	72.139,09	72.109,53	-29,56	
1	Đất nông nghiệp	NNP	62.737,10	58.932,09	61.092,48	2.160,39	
1.1	Đất trồng lúa*	LUA	330,50	765,00	330,50	-434,50	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	0,00	765,00	0,00	-765,00	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	780,42	818,88	582,39	-236,49	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	57.592,86	52.388,83	55.312,78	2.923,95	
1.4	Đất rừng phòng hộ*	RPH	3.652,40	4.000,00	3.652,40	-347,60	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00		0,00	0,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	209,58	221,29	407,58	186,29	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	44,08	47,16	44,08	-3,08	
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00		0,00	0,00	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NHK	127,27	690,93	762,77	71,84	

Số TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2015	Quy hoạch đến năm 2020			Chênh lệch: cao (+), thấp (-)
				QHSD đất đã phê duyệt (QĐ-956)	Điều chỉnh QHSDD huyện Dầu Tiếng		
				(ha)	(ha)	(7)=(6)-(5)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.324,51	13.207,00	11.017,06	-2.189,94	
2.1	Đất quốc phòng**	CQP	64,38	156,00	128,86	-27,14	
2.2	Đất an ninh**	CAN	3,20	144,00	18,86	-125,14	
2.3	Đất khu công nghiệp**	SKK	0,00	300,00	108,00	-192,00	
2.4	Đất khu chế xuất**	SKT	0,00	0,00	0,00	0,00	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	49,66	50,00	124,66	74,66	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	80,75	112,15	113,31	1,16	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	146,94	573,10	362,45	-210,65	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	100,00	100,00	0,00	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.545,94	3.781,75	2.842,71	-939,04	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	126,42	210,88	198,57	-12,31	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00	0,00	0,00	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,70	22,20	18,59	-3,61	

Số TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2015	Quy hoạch đến năm 2020			Chênh lệch: cao (+), thấp (-)
				QHSD đất đã phê duyệt (QĐ-956) (ha)	Điều chỉnh QHSDĐ huyện Dầu Tiếng (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	520,58	1.105,89	641,83	-464,06	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	109,62	155,29	209,59	54,30	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,91	35,81	78,18	42,37	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,00		0,00	0,00	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00		0,00	0,00	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,85	21,42	15,85	-5,57	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	71,19	114,66	171,65	56,99	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	28,93	311,53	328,93	17,40	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,15	26,27	17,24	-9,03	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,36		13,14	13,14	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,41	2,41	2,41	0,00	

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2015	Quy hoạch đến năm 2020			Chênh lệch: cao (+), thấp (-)
				QHSD đất đã phê duyệt (QĐ-956) (ha)	Điều chỉnh QHSDD huyện Dầu Tiếng (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	952,70	1.244,94	952,70		-292,24
2.25	Đất có mặt nước chuyên dung	MNC	4.564,87	4.736,38	4.564,87		-171,51
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	2,32	4,69		2,37
3	Đất chưa sử dụng	CSD	47,93		0,00		0,00
5	Đất đô thị	DTD					
7	Đất khu du lịch	DDL					

(*) Được xác định bằng hoặc lớn hơn chỉ tiêu phân bổ của cấp trên.

(**) Không được xác định thêm.

**Bảng II: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU (NĂM 2016)
CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN DẦU TIẾNG**

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				TT Dầu Tiếng	An Lập	Định An	Định Hiệp	Định Thành	Long Hòa	Long Tân	Minh Hòa	Minh Tân	Minh Thạnh	Thanh An	Thanh Tuyên
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) ...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích tự nhiên		72.109,53	2.632,54	6.021,34	7.006,66	6.144,49	5.643,48	6.326,51	5.868,13	9.526,71	4.498,18	6.362,31	5.856,74	6.222,43
1	Đất nông nghiệp	NNP	62.668,75	2.183,54	5.633,79	5.607,42	5.700,09	3.734,14	5.811,01	5.519,98	7.607,91	4.154,58	6.059,85	5.110,99	5.545,45
1.1	Đất trồng lúa	LUA	330,50	40,19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	103,79	186,52
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	780,39	69,23	64,02	14,41	11,56	217,38	12,76	17,09	26,13	3,90	2,55	99,47	241,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	57.522,05	2.069,50	5.335,42	5.588,56	5.685,86	1.973,58	5.785,54	5.465,11	5.444,74	4.142,77	6.024,56	4.904,53	5.101,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	3.652,40	-	-	-	-	1.538,10	-	-	2.114,30	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	209,58	-	209,58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	44,08	4,29	10,95	2,22	2,43	1,90	1,84	7,39	0,94	1,75	3,78	2,46	4,13
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NHK	129,77	0,33	13,83	2,24	0,23	3,18	10,87	30,39	21,79	6,16	28,96	0,75	11,04
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.393,02	427,18	387,55	1.399,24	419,55	1.909,34	515,50	348,15	1.918,80	343,60	302,46	744,67	676,98
2.1	Đất quốc phòng	CQP	64,58	5,90	-	-	-	43,89	-	-	-	-	0,20	7,59	7,00
2.2	Đất an ninh	CAN	3,95	2,42	0,37	-	0,17	0,78	0,22	-	-	-	-	-	-

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				TT Dầu Tiếng	An Lập	Định An	Định Hiệp	Định Thành	Long Hòa	Long Tân	Minh Hòa	Minh Tân	Minh Thạnh	Thanh An	Thanh Tuyên
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) ...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,85	5,81	-	-	-	5,48	0,82	-	0,63	-	2,33	-	0,79
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	77,46	12,69	20,12	6,81	0,61	1,24	5,04	2,90	1,33	4,29	14,01	3,15	5,27
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	28,93	-	8,97	3,61	2,12	-	2,82	3,11	-	-	8,30	-	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,35	0,60	0,83	0,37	0,38	0,58	1,74	0,75	1,70	0,92	0,96	0,66	0,87
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,36	0,70	-	3,66	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,41	1,10	0,58	-	-	-	-	-	-	-	-	0,04	0,69
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	952,70	65,70	61,10	47,86	70,70	89,90	119,05	48,75	74,26	25,09	56,93	85,93	207,42
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4.564,87	-	0,44	1.068,11	33,83	1.646,81	-	-	1.568,69	-	-	246,98	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	47,76	21,83	-	-	24,85	-	-	-	-	-	-	1,08	-